TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 23 - 4 - 2026
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. ông Trần Đức Hòa;
2. bà Lê Thị Thận;
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2026/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, về việc "Ly hôn".
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2026/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa:
- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày: 20/03/2002
Nơi cư trú: thôn 3 – Bom B, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: anh Bùi Văn K, sinh ngày: 18/02/1999
Nơi cư trú: xóm M, xã Dũng T, tỉnh Phú Thọ
(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Văn K tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ký ngày 30/6/2020. Quá trình chung sống giữa chị và anh Bùi Văn K xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Bùi Văn K thường xuyên nhậu nhẹt, xem trọng bạn bè hơn gia đình, vợ con; không chăm lo cho gia đình. Mỗi lần chị và anh Bùi Văn K xảy ra việc cải vã thì anh Bùi Văn K lại đi về quê. Giữa chị và anh Bùi Văn K nhiều lần trao đổi, noi chuyện nhưng không khắc phục được. Đến năm 2024 thì chị và anh Bùi Văn K sống

ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc anh Bùi Văn K không thể thay đổi được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn K có 02 con chung tên Bùi Nhật A, sinh ngày: 26/11/2020 và Bùi Minh Kh, sinh ngày: 30/01/2023. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Minh Kh, còn cháu Bùi Nhật A giao cho anh Bùi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Bùi Văn K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Thi Nguyệt là vợ chồng, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước từ năm 2020. Quá trình chung sống giữa các bên xảy ra mâu thuẫn như về tiền lương anh không mang đủ đưa cho chị Nguyễn Thị Thu Ng, nhiều lần anh nhậu nhẹt làm chị Nguyễn Thị Thu Ng không hài lòng. Giữa các bên hay cải vả, thậm chí có xô xát xảy ra. Đến năm 2023 anh và chị Nguyễn Thị Thu Ng đã sống ly thân một thời dài nhưng quay lại để lo cho con cái. Tuy nhiên, hai bên chung sống được một thời gian thì tiếp tục xảy ra cải vã, xô xát. Đến năm 2024 anh và chị Nguyễn Thị Thu Ng quyết định sống ly thân, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ đó cho đến nay. Nay hai bên không còn tình cảm, không thể khắc phục nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu Ng.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị Thu Ng có 02 con chung tên Bùi Nhật A, sinh ngày: 26/11/2020 và Bùi Minh Kh, sinh ngày: 30/01/2023.

Trong thời gian ly thân anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật A nên trường hợp ly hôn thì anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật A

Còn cháu Bùi Minh Kh anh đồng ý tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Thu Ng tiếp tiếp nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn và nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Ng về việc ly hôn với anh Bùi Văn K.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao Bùi Minh Kh, sinh ngày:

30/01/2023 cho chị Nguyễn Thị Thu Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. giao Bùi Nhật A, sinh ngày: 26/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Thu Ng (là nguyên đơn) và anh Bùi Văn K (là bị đơn) vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thu Ng.

[2] Về thẩm quyền: anh Bùi Văn K hiện cư trú tại xóm Mư, xã Dũng Tiến, tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K đều có văn bản lựa chọn giải quyết tại Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai (là Tòa án nơi chị Nguyễn Thị Thu Ng cư trú). Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết vụ án nói trên là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, ký ngày 30/6/2020. Lời khai của chị Nguyễn Thị Thu Ng, anh Bùi Văn K phù hợp Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Ng: chị Nguyễn Thị Thu Ng khai nhận quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Bùi Văn K thường xuyên nhậu nhẹt, xem trọng bạn bè hơn gia đình, vợ con, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Giữa các bên nhiều lần xảy ra cãi vả. Anh Bùi Văn K thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Thu Ng về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, anh xác nhận giữa vợ chồng thường xuyên cải vả và xảy ra xô xát, mâu thuẫn hai bên không thể khắc phục được. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định anh Bùi Văn K vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân anh Bùi Văn K cũng thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu Ng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Ng đối với anh Bùi Văn K.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K khai nhận anh chị có 02 con chung tên Bùi Nhật A, sinh ngày: 26/11/2020 và Bùi Minh Kh, sinh ngày: 30/01/2023. Lời khai của chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

[5.1] Xét, cháu Bùi Nhật A và Bùi Minh Kh chưa thành niên cần sự chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn K và chị Nguyễn Thị Thu Ng đều thừa nhận trong thời gian ly thân anh Bùi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật A, chị Nguyễn Thị Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Minh Kh và hiện nay anh Bùi Văn K, chị Nguyễn Thị Thu Ng có nguyện vọng tiếp tục việc mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu. Xét thấy, anh Bùi Văn K, chị Nguyễn Thị Thu Ng đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, để ổn định môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện, ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Thu Ng và anh Bùi Văn K, giao cháu Bùi Minh Kh cho chị Nguyễn Thị Thu Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Nhật A cho anh Bùi Văn K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[5.2] Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Ng phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Ng. Chị Nguyễn Thị Thu Ng được ly hôn với anh Bùi Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ký ngày 30/6/2020 của Uỷ ban nhân dân xã Bom B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao cháu Bùi Minh Kh, sinh ngày: 30/01/2023 cho chị Nguyễn Thị Thu Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Nhật A, sinh ngày: 26/11/2020 cho anh Bùi Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của bố, mẹ đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Ng phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002373 lập ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai *(đã nộp xong)*.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh